

Số: 42/3 /BC-TCTBĐATHHMB

Hải Phòng, ngày 22 tháng 5 năm 2018

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện kế hoạch cả năm 2017 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI

Kính gửi: Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc

Căn cứ Quyết định số 412/QĐ-HĐTV ngày 13/6/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty BĐATHH miền Bắc về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh dịch vụ hoa tiêu hàng hải năm 2017 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-HĐTV ngày 16/11/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc về việc Ban hành Quy trình Hướng dẫn lập, trình, thẩm định, phê duyệt, giao Kế hoạch cung ứng dịch vụ hoa tiêu và Kế hoạch tài chính của các Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải trực thuộc Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-HĐTV ngày 26/9/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 721/QĐ-TCTBĐATHHMB ngày 19/10/2016 về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI;

Căn cứ Biên bản kiểm tra số 02/2018/BBKT/BĐMB-HTKV VI ngày 11/4/2018 về việc thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải năm 2017 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI theo biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu được Bộ Giao thông vận tải ban hành tại Quyết định số 3946/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2016;

Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc kết quả thực hiện Kế hoạch cả năm 2017 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI với nội dung như sau:

#### I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017:

##### 1. Chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty báo cáo	Tổng công ty duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6=5-4
1	Sản lượng		5.026	5.026	-
2	Tổng doanh thu	Đồng	32.102.434.799	32.102.434.799	-
	Doanh thu HTHH	nt	31.708.478.574	31.708.478.574	-
	Doanh thu hoạt động TC	nt	390.152.808	390.152.808	-
	Doanh thu SXKD khác	nt	3.803.417	3.803.417	-

<b>3</b>	<b>Tổng chi phí chưa VAT</b>	<b>Đồng</b>	<b>22.012.697.912</b>	<b>21.967.068.345</b>	<b>(45.629.567)</b>
	Chi phí hoạt động HTHH	Đồng	13.502.798.782	13.457.169.215	(45.629.567)
	Chi phí quản lý DN	Đồng	8.509.899.130	8.509.899.130	-
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>10.089.736.887</b>	<b>10.135.366.454</b>	<b>45.629.567</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>8.071.776.558</b>	<b>8.108.280.211</b>	<b>36.503.653</b>
	Trích quỹ ĐTPT	nt	2.421.532.967	2.432.484.063	10.951.096
	Trích quỹ KT+PL	nt	2.751.750.000	2.751.750.000	-
	Trích quỹ thưởng VCQL	nt	240.300.000	240.300.000	-
<b>6</b>	<b>Nộp NSNN</b>	<b>Đồng</b>	<b>2.658.193.591</b>	<b>2.683.746.148</b>	<b>25.552.557</b>

2. Chi tiêu khác: (Có bảng tổng hợp đính kèm)

3. Nhận xét:

- Sản lượng 5.026 lượt đạt 132% kế hoạch.
- Doanh thu 32.102.434.799 đồng đạt 157% kế hoạch.
- Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty báo cáo 22.012.697.912 đồng, Tổng công ty duyệt thực hiện 21.967.068.345 đồng giảm 45.629.567 đồng do Công ty chi trả phụ cấp đi biển chưa đúng quy định của nhà nước.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 10.135.366.454 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 8.108.280.211 đồng.
- Nộp ngân sách nhà nước: Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định là 2.683.746.148 đồng tăng 25.552.557 đồng so với báo cáo thực hiện. Số lợi nhuận này Công ty thực hiện nộp về Tổng công ty theo quy định.

## II. Chất lượng dịch vụ hoa tiêu hàng hải:

1. Độ tin cậy của dịch vụ:

- Công ty duy trì tốt việc cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải kịp thời và an toàn cho 5.026 lượt tàu ra vào các cảng thuộc địa phận 5 tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Trị, không để một tai nạn hàng hải nào xảy ra. Làm chủ quy trình dẫn tàu VLCC 30 vạn tấn vào nhập dầu thô cho Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, 20 vạn tấn vào bến cảng Sơn Dương của Công ty TNHH Hưng Nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh, trên 20 chuyến tàu 5 vạn tấn vào và rời bến cảng chuyên dùng VISSAI chỉ sau gần 02 tháng công bố cảng.

- Bên cạnh đó để phục vụ cho công tác lập kế hoạch dẫn tàu, Công ty duy trì tốt công tác trực ban hoa tiêu 24/24 để điều hành, hỗ trợ hoa tiêu trong quá trình dẫn tàu; theo dõi, thống kê số lượt tàu phục vụ công tác kiểm tra, thống kê dịch vụ hoa tiêu hàng hải và lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác dẫn tàu đúng quy định.

2. Mức độ thỏa mãn yêu cầu của khách hàng:

- Có xác nhận của thuyền trưởng trên Phiếu xác nhận dịch vụ hoa tiêu đối với mỗi lượt dẫn tàu. Qua kiểm tra không có ý kiến kiến nghị, phản ánh không hài lòng về dịch vụ hoa tiêu.

- Công ty đã tiến hành thăm dò ý kiến của các tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến nhận xét, góp ý dịch vụ do Công ty cung cấp. Cụ thể Công ty đã tiến

hành lấy ý kiến của Cảng vụ hàng hải 07 lần, Chủ cảng 09 lần, đại lý tàu biển 14 lần và 57 tàu với kết quả như sau:

Tiêu chí	Tốt/ Rất hài lòng	Đạt yêu cầu/ hài lòng	Chưa đạt yêu cầu/ không hài lòng
Chất lượng dịch vụ dẫn tàu hoa tiêu hàng hải	85%	15%	0%
Thái độ của HTHH, viên chức, người lao động trong công ty (vui vẻ, quan tâm, hợp tác)	86%	14%	0%
Thái độ của HTHH, viên chức, người lao động trong công ty (chính xác, khách quan, khoa học)	85%	15%	0%
Thời gian xử lý hồ sơ (đúng thời gian cam kết)	89%	11%	0%

3. Mức độ đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ và vệ sinh an toàn lao động:

- Công ty luôn chú trọng, làm tốt công tác bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải và các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên trong năm 2017 còn có 02 chuyến tàu bị tai nạn nhẹ do kinh nghiệm xử lý của hoa tiêu chưa cao, còn chủ quan và sau đó Công ty đã tiến hành họp rút kinh nghiệm về nghiệp vụ hoa tiêu theo quy trình QT.HTHH.07.

- Công tác bảo hộ lao động luôn được duy trì thường xuyên và đúng quy định.

- Tổ chức cho cán bộ công nhân viên và những người mới được tuyển dụng tham gia lớp học về an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ. Phối kết hợp với các đơn vị quản lý, cơ quan hoạt động trong lĩnh vực hàng hải trong khu vực trách nhiệm của Công ty để thực hiện công tác phòng chống lụt bão.

- Công ty đã khắc phục kịp thời đầy đủ các tồn tại mà Đoàn kiểm tra của Tổng công ty về công tác VSATLĐ, PCCC, PCLB và tìm kiếm cứu nạn (đã báo cáo tại văn bản số 299/CTHTHHKV VI-TCHC ngày 31/7/2017 và văn bản số 452/CTHTHHKV VI-TCHC ngày 28/12/2017 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI.

4. Công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan:

- Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các Cảng vụ hàng hải, chủ cảng, chủ tàu, đại lý, đơn vị Bảo đảm an toàn hàng hải, và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong khu vực trách nhiệm để thực hiện công tác phục vụ cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo đúng quy định của Nội quy cảng biển.

## II. Nhận xét, kiến nghị:

- Căn cứ Biên bản kiểm tra số 02/2018/BBKT/BĐHH-HTHHKV VI yêu cầu Công ty có trách nhiệm hoạch toán điều chỉnh chi phí phụ cấp đi biển theo kết quả đã được Tổng công ty duyệt đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

- Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-HĐTV ngày 26/9/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc đề nghị Công ty chuyển phần lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ là 2.683.746.148 đồng về Tổng công ty đúng quy định.

- Đề nghị Công ty yêu cầu các hoa tiêu chú ý ghi đầy đủ họ tên trên Phiếu xác nhận dịch vụ hoa tiêu sau khi đã ký tên vào phiếu.

- Đề nghị Công ty tiếp tục đầu tư trang thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ để hỗ trợ công tác dẫn tàu cho hoa tiêu như (AIS, ENC...) để nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng hoa tiêu hàng hải theo văn bản số 207/TCTBĐATHHMB-BĐHH ngày 07/02/2018 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cả năm 2017 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI.

Tổng giám đốc Tổng công ty trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng giám đốc (để b/c)
- Lưu VP, KTKH.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Mai Xuân Thắng', is written over a red circular official stamp. The stamp contains the text: 'M.S. D. N: 0200648769-CTINH', 'TỔNG CÔNG TY', 'BẢO ĐẢM AN TOÀN', 'HÀNG HẢI', 'MIỀN BẮC', and 'Q. HẢI AN T. P. HẢI PHÒNG'.

**Mai Xuân Thắng**

## Bảng tổng hợp các chỉ tiêu thực hiện cả năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số ~~213~~ <sup>213</sup>/BC-TCTBĐATHHMB ngày ~~22~~ <sup>22</sup>/5/2018)

TT	KHOẢN MỤC	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Báo cáo thực hiện năm 2017 của Công ty	Kết quả kiểm tra	Tổng công ty duyệt	So sánh với kế hoạch	Chênh lệch so với báo cáo
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9=7-5
<b>I</b>	<b>Sản lượng</b>							
	Lượt tàu	Lượt	3.800	5.026	5.026	5.026	132%	-
	Số GTHL	GTHL	216.000.000	327.875.070	327.875.070	327.875.070	152%	-
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Đồng</b>	<b>20.500.000.000</b>	<b>32.102.434.799</b>	<b>32.102.434.799</b>	<b>32.102.434.799</b>	157%	
1	Doanh thu từ dịch vụ HTHH	Đồng	20.500.000.000	31.708.478.574	31.708.478.574	31.708.478.574	155%	-
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Đồng	-	390.152.808	390.152.808	390.152.808		-
3	Doanh thu từ hoạt động SXKD khác	Đồng	-	3.803.417	3.803.417	3.803.417		-
<b>II</b>	<b>Chi phí cho hoạt động HTHH</b>	<b>Đồng</b>	<b>10.853.512.242</b>	<b>13.502.798.782</b>	<b>13.457.169.215</b>	<b>13.457.169.215</b>	124%	<b>(45.629.567)</b>
1	Chi phí nhiên liệu trực tiếp	Đồng	1.174.747.651	1.341.885.655	1.341.885.655	1.341.885.655	114%	-
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Đồng	6.302.035.104	8.403.451.636	8.403.451.636	8.403.451.636	133%	-
	<i>Lương hoa tiêu</i>	<i>Đồng</i>	<i>4.597.661.169</i>	<i>6.431.834.212</i>	<i>6.431.834.212</i>	<i>6.431.834.212</i>	140%	-
	<i>Lương phương tiện</i>	<i>Đồng</i>	<i>1.402.659.951</i>	<i>1.730.340.360</i>	<i>1.730.340.360</i>	<i>1.730.340.360</i>	123%	-
	<i>Các khoản trích theo lương</i>	<i>Đồng</i>	<i>301.713.984</i>	<i>241.277.064</i>	<i>241.277.064</i>	<i>241.277.064</i>	80%	-
3	Chi phí sản xuất chung	Đồng	3.376.729.487	3.757.461.491	3.711.831.924	3.711.831.924	110%	<b>(45.629.567)</b>
3.1	Khấu hao TSCD	Đồng	625.219.392	645.700.000	645.700.000	645.700.000	103%	-
3.2	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Đồng	2.751.510.095	3.111.761.491	3.066.131.924	3.066.131.924	111%	<b>(45.629.567)</b>
	<i>Chi phí sửa chữa phương tiện</i>	<i>Đồng</i>	<i>346.527.124</i>	<i>376.137.912</i>	<i>376.137.912</i>	<i>376.137.912</i>	109%	-
	<i>Mua bảo hiểm tài sản</i>	<i>Đồng</i>	<i>55.000.000</i>	<i>57.973.139</i>	<i>57.973.139</i>	<i>57.973.139</i>	105%	-
	<i>Thuê phương tiện thủy đưa đón HT</i>	<i>Đồng</i>	<i>1.446.750.000</i>	<i>1.610.465.000</i>	<i>1.610.465.000</i>	<i>1.610.465.000</i>	111%	-
	<i>Chi BHLĐ + đồng phục</i>	<i>Đồng</i>	<i>120.000.000</i>	<i>145.880.000</i>	<i>145.880.000</i>	<i>145.880.000</i>	122%	-
	<i>Ăn định lượng</i>	<i>Đồng</i>	<i>295.612.471</i>	<i>264.471.873</i>	<i>264.471.873</i>	<i>264.471.873</i>	89%	-
	<i>Phụ cấp đi biển</i>	<i>Đồng</i>	<i>487.620.500</i>	<i>656.833.567</i>	<i>611.204.000</i>	<i>611.204.000</i>	125%	<b>(45.629.567)</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý DN</b>	<b>Đồng</b>	<b>7.456.414.555</b>	<b>8.509.899.130</b>	<b>8.509.899.130</b>	<b>8.509.899.130</b>	114%	-

1	Nhiên liệu	Đồng	55.134.538	34.407.324	34.407.324	34.407.324	62%	
2	Nhân công	Đồng	4.191.518.993	5.025.511.089	5.025.511.089	5.025.511.089	120%	
	<i>Lương nhân viên văn phòng</i>	<i>Đồng</i>	<i>2.322.165.137</i>	<i>2.844.825.428</i>	<i>2.844.825.428</i>	<i>2.844.825.428</i>	123%	-
	<i>Lương VCQL</i>	<i>Đồng</i>	<i>1.602.000.000</i>	<i>1.922.400.000</i>	<i>1.922.400.000</i>	<i>1.922.400.000</i>	120%	-
	<i>Các khoản trích theo lương</i>	<i>Đồng</i>	<i>267.353.856</i>	<i>258.285.661</i>	<i>258.285.661</i>	<i>258.285.661</i>	97%	-
3	Khấu hao tài sản	Đồng	377.865.352	358.527.634	358.527.634	358.527.634	95%	-
	<i>Khấu hao tài sản (văn phòng)</i>	<i>Đồng</i>	<i>333.332.582</i>	<i>315.360.000</i>	<i>315.360.000</i>	<i>315.360.000</i>	95%	-
	<i>Phân bổ công cụ, dụng cụ</i>	<i>Đồng</i>	<i>44.532.770</i>	<i>43.167.634</i>	<i>43.167.634</i>	<i>43.167.634</i>	97%	-
4	Chi dịch vụ mua ngoài	Đồng	1.081.895.672	1.155.906.939	1.155.906.939	1.155.906.939	107%	-
	<i>Sửa chữa tài sản văn phòng</i>	<i>Đồng</i>	<i>287.715.672</i>	<i>330.832.928</i>	<i>330.832.928</i>	<i>330.832.928</i>	115%	-
	<i>Đào tạo</i>	<i>Đồng</i>	<i>221.500.000</i>	<i>257.270.000</i>	<i>257.270.000</i>	<i>257.270.000</i>	116%	-
	<i>Điện nước, điện thoại</i>	<i>Đồng</i>	<i>256.200.000</i>	<i>218.300.049</i>	<i>218.300.049</i>	<i>218.300.049</i>	85%	-
	<i>Trang phục, BHLĐ</i>	<i>Đồng</i>	<i>115.000.000</i>	<i>112.300.000</i>	<i>112.300.000</i>	<i>112.300.000</i>	98%	-
	<i>Ăn giữa ca</i>	<i>Đồng</i>	<i>201.480.000</i>	<i>237.203.962</i>	<i>237.203.962</i>	<i>237.203.962</i>	118%	-
5	Chi khác bằng tiền	Đồng	1.750.000.000	1.935.546.144	1.935.546.144	1.935.546.144	111%	-
<b>IV</b>	<b>Tổng chi phí SXKD (II+III)</b>	<b>Đồng</b>	<b>18.309.926.797</b>	<b>22.012.697.912</b>	<b>21.967.068.345</b>	<b>21.967.068.345</b>	120%	<b>(45.629.567)</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>nt</b>	<b>2.190.073.203</b>	<b>10.089.736.887</b>	<b>10.135.366.454</b>	<b>10.135.366.454</b>	463%	<b>45.629.567</b>
<b>VI</b>	<b>Thuế TNDN</b>	<b>nt</b>	<b>438.014.641</b>	<b>2.017.960.329</b>	<b>2.027.086.243</b>	<b>2.027.086.243</b>	463%	<b>9.125.913</b>
<b>VII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>nt</b>	<b>1.752.058.562</b>	<b>8.071.776.558</b>	<b>8.108.280.211</b>	<b>8.108.280.211</b>	463%	<b>36.503.653</b>
	Trích quỹ ĐTPT			2.421.532.967	2.432.484.063	2.432.484.063		10.951.096
	Trích quỹ KT+PL			2.751.750.000	2.751.750.000	2.751.750.000		-
	Trích quỹ thưởng VCQL			240.300.000	240.300.000	240.300.000		-
	<b>Nộp NSNN</b>			<b>2.658.193.591</b>	<b>2.683.746.148</b>	<b>2.683.746.148</b>		<b>25.552.558</b>